

ĐỀ KIỂM TRA LỚP 1 - NĂM HỌC 2019 - 2020

NGÂN HÀNG MÔN TOÁN – HỌC KÌ II- LỚP 1

1.Số học

Đ1

Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

Bài 1: Sáu mươi chín viết là :

A. 609 B. 69 C. 96

Bài 2: 73 gồm :

A. 7 và 3 B. 7 chục và 3 C. 7 chục và 3 đơn vị

Bài 3: Số liền sau của 86 là:

A . 84 B . 85 C . 86 D. 87

Bài 4: Số 78 gồm mấy chục và mấy đơn vị?

A. 7 chục và 8 đơn vị B. 8 chục và 7 đơn vị C. 7 và 8 D. 8 và 7

Bài 5: Số liền sau của số 79 là:

A. 78 B. 80 C. 70

Bài 6: Số lớn nhất có hai chữ số là:

A. 9 B. 90 C. 99

Bài 7. Kết quả của phép tính $32 + 3$ là:

A. 50 B. 35 C. 34

Bài 8. Đặt tính rồi tính

$35 + 12$	$85 - 64$	$98 - 72$	$6 + 43$
.....			
.....			

Bài 9: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ 60;...; ...;..., 64; 65; ...; 67;...;...; 70 71;...; 73;...;...; 76; 77; ...; ...; 80

b/ Viết thành các số:

Bốn mươi ba:..... Ba mươi hai:.....

Chín mươi bảy:..... Hai mươi tám:

Bài 10:Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a/ Số “Sáu mươi ba “viết là:

A. 306 B. 36 C. 63

b/ Số liền trước của 75 là:

A. 86 B. 76 C. 74

Bài 11: Viết số thích hợp vào chỗ trống:

a) 89 gồm..... chục và..... đơn vị

b) Chín mươi chín:.....

c) Số liền trước của 78 là.....

Bài 12: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

	60;...; ...;..., 64; 65; ...; 67;...;...; 70 71;...; 73;...;...; 76; 77; ...; ...; 80 b) Viết thành các số: Chín mươi lăm:..... Ba mươi tám: Sáu mươi chín:..... Tám mươi tư:
MD 2	Bài 1: Kết quả của phép tính 69 – 30 là : A. 66 B. 39 C. 93 D. 99 Bài 2: Điền ® Ó ® i Ò n vào « trèng cñ a phĐp tÝnh 54 – 4 50+8 A. = B. > C. < Bài 3: Dấu điền vào chỗ chấm của 47 40 + 7 là: A. > B. < C. = Bài 4: Trong các số: 10, 99, 50, 90 số tròn chục lớn nhất là? Bài 5: Trong các số: 62, 19, 90, 75 số nào bé nhất? A . 62 B. 90 C.19 Bài 6: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 30 – 10 10 + 20 A. > B. < C. = Bài 7. Số lớn nhất có một chữ số là: A. 9 B. 10 C. 1 Bài 8. Các số 31; 20; 43 ; 22; 55 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: A. 31; 22; 20 ; 43; 55 B. 20; 22 ; 31; 43; 55 C. 22 ; 20; 31; 43; 55. Bài 9: a/ Số lớn nhất có hai chữ số giống nhau là: b/ Số bé nhất có ba chữ số là: Bài 10: Tính a/ 55 + 13 - 14 = b/ 67-17 + 5 = Bài 11: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng: a/ Số tròn chục bé nhất là ? A. 80 B. 90 C. 60 D. 10 b/ Số 90 đứng liền sau số nào? A. 89 B. 98 C. 91 D. 92 Bài 12: Số thích hợp điền vào ô trống là: 20 + 65 = ... + 20 A. 15 B. 25 C. 35 D. 65
MD 3	Bài 1: Xếp các số 10, 57, 65, 11, 67 theo thứ tự : a) Từ bé đến lớn:..... b) Từ lớn đến bé:..... Bài 2: Đặt tính rồi tính 62 + 3 38 – 35 5 + 40 18 – 1

.....
.....
Bài 3: Đặt tính rồi tính:

$47 - 13$

$54 + 45$

$78 - 5$

$78 - 23$
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Viết các số: **36, 25, 27, 72**

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 5: Viết các số: **34, 27, 91, 58.**

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:

- Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 6: Đặt tính rồi tính:

$62 + 24$

$26 + 41$

$89 - 5$

$78 - 23$
.....
.....
.....
.....

Bài 7. Điền dấu $<, >, =$ thích hợp vào chỗ chấm:

$42 + 15 \dots 86 - 26$

$14 + 34 \dots 92 - 50$

Bài 8. Số tròn chục lớn hơn 20 và bé hơn 40 là:

A. 40

B. 30

C. 50

Bài 9: Đặt tính rồi tính

a) $45 + 34$

$56 - 20$

$18 + 71$

$74 - 3$
.....
.....
.....

b) $58 + 40 - 20 = \dots\dots\dots$

$57 + 2 - 4 = \dots\dots\dots$

Bài 10:Đúng ghi Đ, sai ghi S vào mỗi câu

a, $30 + 10 = 40$ ☐

b, $43 - 5 = 48$ ☐

c, $12 + 23 = 45$ ☐

Bài 11: Viết các số 63 ; 72 ; 29 ; 43 :

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn :

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé :

Bài 12: Đặt tính rồi tính

$$70 \text{ cm} - 40 \text{ cm} = 40 \text{ cm}$$

$$20 \text{ cm} + 4 \text{ cm} = 24 \text{ cm}$$

Bài 3: Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Kết quả của phép tính:

$$19 \text{ cm} - 4 \text{ cm} = ?$$

A. 16cm

B. 15

C. 15cm

Bài 4 : Một Tuần em đi học mấy ngày ?

A: 3 ngày

B. 4 ngày

C. 5 ngày

Bài 5: Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Kết quả của phép tính: $23 \text{ cm} + 4 \text{ cm} = ?$

A. 27cm

B. 27

C. 26cm

Bài 6: Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 70cm ?

A. $40 \text{ cm} + 30 \text{ cm}$

B. $40 + 30$

C. $70 - 10$

Bài 7. a) Em đi học vào các ngày:

Thứ hai,

b) Em được nghỉ các ngày.....:

Bài 8, Lúc 7 giờ kim ngắn chỉ số.... kim dài chỉ số....

Bài 9: Một Tuần em đi học mấy ngày ?

A. 4 ngày

B. 6 ngày

C. 5 ngày

Bài 10:Viết số vào chỗ chấm:

a) Lúc 4 giờ, kim ngắn chỉ vào số, kim dài chỉ vào số

b) Lúc 6 giờ, kim ngắn chỉ vào số, kim dài chỉ vào số

Bài 11:Viết số vào chỗ chấm:

a) Lúc 8 giờ, kim ngắn chỉ vào số, kim dài chỉ vào số

b) Lúc 2 giờ, kim ngắn chỉ vào số, kim dài chỉ vào số

Bài 12: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Một tuần lễ có ngày là: chủ nhật

MĐ2 Bài 1: Điền số

$$30 \text{ cm} + 40 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$94 \text{ cm} - 34 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$63 \text{ cm} + 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$65 \text{ cm} - 5 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Số?

a), Lúc 12 giờ kim ngắn chỉ số 12, kim dài chỉ số?

b) Khi kim ngắn chỉ số 6, kim dài chỉ số 12, lúc đó là mấy giờ?

A. 12 giờ

B. 6 giờ

C. 9 giờ

Bài 3: Kim ngắn chỉ số 7 ? kim dài chỉ số 12 là mấy giờ?

A. 7 giờ

B. 8 giờ

C. 12 giờ

Bài 4: Khoanh vào chữ cái đặt trước phép đúng:

- A. $13\text{cm} - 3\text{cm} = 10$ B. $13\text{cm} - 3 = 10\text{ cm}$
 C. $13 - 3\text{cm} = 10\text{ cm}$ D. $13\text{cm} - 3\text{cm} = 10\text{ cm}$

Bài 5: Viết số vào chỗ chấm:

- Lúc 6 giờ, kim ngắn chỉ vào số, kim dài chỉ vào số

Bài 6: Khoanh vào chữ cái đặt trước phép đúng:

- A. $14\text{cm} - 2\text{cm} = 12$ B. $14\text{cm} - 2\text{ cm} = 12\text{ cm}$
 C. $14 - 2\text{cm} = 12\text{ cm}$ D. $14\text{cm} - 2 = 12\text{ cm}$

Bài 7. Bố đi công tác 1 tuần lễ và 2 ngày. Vậy bố đi công tác mấy ngày?

- A. 7 ngày B. 8 ngày C. 9 ngày

Bài 8. Khi đồng hồ chỉ 12 giờ đúng thì kim dài và kim ngắn chỉ số...

Bài 9: Kim ngắn chỉ số 5 ? kim dài chỉ số 12 là mấy giờ?

- A. 4giờ B. 5 giờ C. 12 giờ

Bài 10: Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

Bài 11: Kim ngắn chỉ số 2 ? kim dài chỉ số 12 là mấy giờ?

- A. 4giờ B. 2 giờ C. 12 giờ

Bài 12: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Trong mỗi tuần lễ em đi học các ngày

- A. Thứ bảy, chủ nhật
 B. Thứ hai, thứ ba, thứ tư
 C. Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm
 D. Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu

MD3 Bài 1: Tính

a/ $30\text{cm} + 20\text{cm} = \dots\dots\dots$

b/ $40\text{cm} + 50\text{cm} = \dots\dots\dots$

$60\text{cm} - 20\text{cm} = \dots\dots\dots$

$80\text{cm} - 50\text{cm} = \dots\dots\dots$

Bài 2 : Viết số hoặc số cho thích hợp?

Một tuần em học ngày, đó là :

Bài 3: Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $30\text{cm} + 20\text{cm} = \dots\dots\dots$

b/ $40\text{cm} + 50\text{cm} = \dots\dots\dots$

$60\text{cm} - 20\text{cm} = \dots\dots\dots$

$80\text{cm} - 50\text{cm} = \dots\dots\dots$

Bài 4: Nối đồng hồ với số giờ đúng



8 giờ



1 giờ



6 giờ



11 giờ

Bài 5: Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm:

a/ $40\text{cm} + 30\text{cm} = \dots\dots\dots$

$90\text{cm} - 60\text{cm} = \dots\dots\dots$

b/ $12\text{cm} + 3\text{cm} + 4\text{cm} = \dots\dots\dots$

Bài 6 : Một tuần em đi học mấy ngày? Hãy kể tên các ngày đó .

Bài 7: Số thích hợp viết vào chỗ chấm $50\text{cm} - \dots\dots\dots = 10\text{cm}$ là:

A. 30 cm

B. 20

C. 40cm

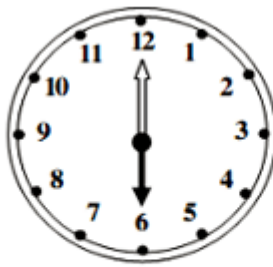
Bài 8. Nếu hôm nay là thứ sáu ngày 3 tháng 3 thì ngày mai là:

A. Thứ bảy ngày 4 tháng 3 B. Thứ hai ngày 6 tháng 3 C. Thứ bảy, ngày 5 tháng 3

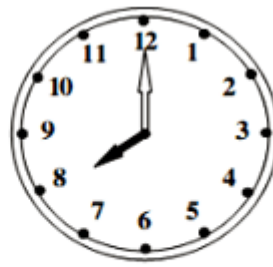
Bài 9 : Nối đồng hồ với số giờ đúng



8 giờ



1 giờ



6 giờ



11 giờ

Bài 10: Một tuần em đi học mấy ngày , hãy kể tên các ngày đó .

Bài 11: Hãy kể tên các ngày trong tuần.

Bài 12: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

a/ Một tuần lễ có mấy ngày?

A. 5 ngày

B. 6 ngày

C. 7 ngày

b/ Hôm nay là thứ bảy thì hôm qua là thứ?

A. Thứ sáu

B. Thứ tư

C. Thứ năm

MĐ4 Bài 1: Hôm nay là thứ sáu ngày 10 tháng 4

- Ngày mai là thứngàytháng.....

- Hôm qua là thứngàytháng

Bài 2 : Viết chữ hoặc số cho thích hợp

Nhìn trên mặt đồng hồ lúc 12 giờ và 10 giờ đúng thì kim cùng chỉ giống nhau và chỉ số

Bài 3 : Một tuần lễ có mấy ngày? hãy kể tên các ngày em đi học .

.....
Bài 4 : Hôm nay là thứ tư ngày 7 tháng 5

- Ngày mai là thứ.....ngàytháng 5

- Hôm qua là thứ.....ngàytháng 5

Bài 5 : Hôm nay là thứ năm ngày 8 tháng 3

- Ngày mai là thứ.....ngàytháng

- Hôm qua là thứ.....ngàytháng

Bài 6 : Một tuần lễ em được nghỉ học mấy ngày? hãy kể tên các ngày nghỉ học đó .

.....
Bài 7. Từ thứ ba tuần này đến thứ ba tuần sau là?

A. 8 ngày

B. 6 ngày

C. 7 ngày

Bài 8. Mẹ đi công tác 1 tuần và 10 ngày. Mẹ đi công tác tất cả:

A. 18 ngày

B. 11 ngày

C. 17 ngày

Bài 9: Hôm nay là thứ sáu ngày 10 tháng 4

- Ngày mai là thứ.....ngàytháng

- Hôm qua là thứ.....ngàytháng

Bài 10: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

a/ Một tuần lễ có mấy ngày?

A. 5 ngày

B. 6 ngày

C. 7 ngày

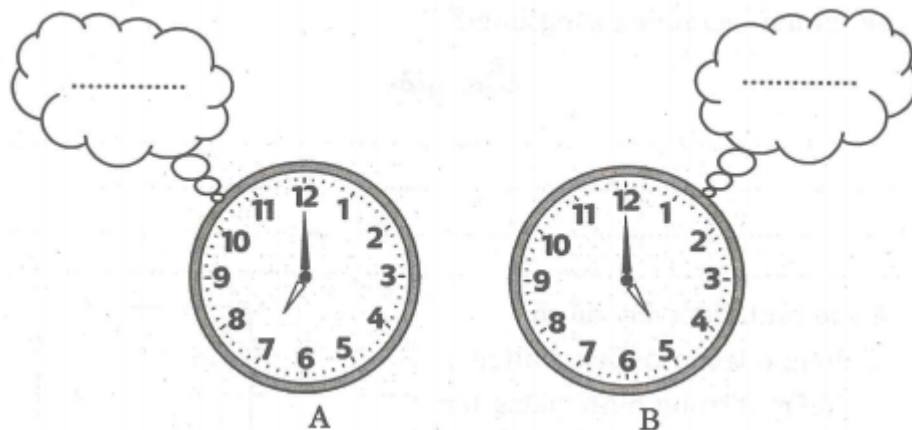
b/ Hôm nay là thứ ba thì hôm qua là thứ?

A. Thứ hai

B. Thứ tư

C. Thứ năm

Bài 11 : Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



Bài 12: Câu 6 : Hôm nay là thứ sáu ngày 10 tháng 4

- Ngày mai là thứ.....ngàytháng

- Hôm qua là thứ.....ngàytháng

MB 1	Bài 1: Trong vườn có 25 cây cam , bố trồng thêm 12 cây nữa. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây? A. 46 cây B. 37 cây C . 64 cây D. 36 cây Bài 2 Lan hái được 54 bông hoa. Lan cho bạn 34 bông hoa. Hỏi Lan còn lại bao nhiêu bông hoa ? A. 74 bông hoa B. 20 bông hoa C . 11bông hoa D. 84 bông hoa Bài 3: Tổ em có 10 bạn nữ và 8 bạn nam. Hỏi tổ em có tất cả bao nhiêu bạn? A. 10 bạn B. 20 bạn C. 18 bạn Bài 4: Lớp em có 21 bạn gái và 14 bạn trai. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu bạn? A. 35 bạn B. 34 bạn C. 32 bạn Bài 5: Tổ một có 12 bạn, tổ hai có 13 bạn. Hỏi cả hai tổ có tất cả bao nhiêu bạn? A. 24 bạn B. 25 bạn C. 13 bạn Bài 6: An có 13 viên bi , Mai có 6 viên bi . Hỏi cả hai có tất cả bao nhiêu viên bi? A. 17 viên bi B. 18 viên bi C. 19 viên bi Bài 7. Lan có 10 quả bóng bay. Lan cho Hà 3 quả bóng bay. Hỏi Lan còn mấy quả bóng bay? Bài 8. Giải bài toán theo tóm tắt: Mai: 15 nhãn vở Tuấn: 33 nhãn vở Tất cả có: ... nhãn vở? Bài 9: Hà có 50 cái bát, Hà cho bạn 10 cái bát .Hỏi Hà còn lại bao nhiêu cái bát? A. 50 cái bát B. 70 cái bát C. 60 cái bát D. 80 cái bát Bài 10: An có 15 viên bi , Nga có 4 viên bi . Hỏi cả hai có tất cả bao nhiêu viên bi? A. 17 viên bi B. 19 viên bi C. 20 viên bi D . 18 viên bi Bài 11: Thu có 90 cái cốc, Thu cho bạn 10 cái cốc.Hỏi Thu còn lại bao nhiêu cái cốc? A. 50 cái cốc B. 70 cái cốc C. 60 cái cốc D. 80 cái cốc Bài 12:Ban có 55 quả na , Hà có 20 quả na.Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu quả na? A. 57 quả na B. 55quả na C. 65 quả na D . 75 quả na
MB 2	Bài 1: Lớp 1B có 34 bạn , trong đó có 14 bạn nữ . Hỏi lớp 1B có bao nhiêu bạn nam? A.74 bạn nam B. 48 bạn nam C . 20bạn nam Bài 2: Hà có 50 cái bát , Hà cho bạn 1 chục cái bát. Hà còn lại bao nhiêu cái bát ? A. 60 cái bát B. 40 cái bát C . 50 cái bát D. 10 cái bát Bài 3: Nhà Mai nuôi được 50 con vịt, đã bán 10 con . Hỏi nhà Mai còn lại bao nhiêu con vịt?

	A. 40 con B. 50 con C. 60 con Bài 4: Tổ em có 19 bạn, trong đó có 5 bạn nữ, hỏi tổ em có mấy bạn nam? A. 14 bạn B. 24 bạn C. 19 bạn Bài 5: Lan có 4 chục cái bát, Lan cho bạn 10 cái bát .Hỏi Lan còn lại bao nhiêu cái bát? A. 30 cái bát B. 40 cái bát C. 50 cái bát Bài 6: Lớp em có 35 bạn, trong đó có 14 bạn trai. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu bạn? A. 14 bạn B. 21bạn C. 25 bạn Bài 7. Lan hái được 14 bông hoa, Thanh hái được 5 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa? Bài 8. Giải bài toán theo tóm tắt: Có: 65 quả trứng Biếu bà: 33 quả trứng Còn: ... quả trứng Bài 9:Một cửa hàng có 35 bông hoa. Cửa hàng đã bán được 21 bông hoa. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu bông hoa ? Bài 10: Nhà Chi nuôi 60 con gà đã bán 10 con . Hỏi nhà Chi còn bao nhiêu con gà? Bài 11:Một cửa hàng có 63 máy khâu. Cửa hàng đã bán được 23 máy khâu. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu máy khâu ? Bài 12: Nhà Mơ nuôi được 40 con ngan đã bán 20 con . Hỏi nhà Mơ còn lại bao nhiêu con ngan?
MD 3	Bài 1: Nhà Mai có 5 chục con gà , mẹ mang bán 30 con gà. Hỏi Nhà Mai còn lại bao nhiêu con gà? Bài 2: Lớp 1B có 15 bạn nam và 20 bạn nữ . Hỏi lớp 1B có tất cả bao nhiêu bạn ?

.....
.....
.....
.....

Bài 3: Lan có 30 quyển vở, mẹ mua thêm cho Lan 1 chục quyển vở nữa . Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở?

A. 40 quyển B.30 quyển C. 50 quyển

Bài 4: Cả hai lớp 1A và 1B có 67 bạn, trong đó lớp 1A có 33 bạn . Hỏi lớp 1B có bao nhiêu bạn?

A. 34 bạn B. 35bạn C. 36 bạn

Bài 5: Hai anh em đi câu cá, Anh câu được 13 con cá, em câu được 12 con cá. Hỏi hai anh em câu được bao nhiêu con cá?

A. 15 con. B. 15 con C. 25 con

Bài 6: Lan hái được 36 bông hoa cúc và hoa hồng, trong đó số hoa hồng là 1 chục bông. Hỏi số hoa cúc là bao nhiêu bông?

A. 37 bông. B. 35 bông C. 26 bông

Bài 7.Trong chuồng có 48 con vừa gà vừa vịt, trong đó có 28 con gà. Hỏi trong chuồng có bao nhiêu con vịt?

Bài 8. Giải bài toán theo tóm tắt:

Có: 38 quả bưởi

Biếu bà: 20 quả bưởi

Còn: ... quả bưởi

Bài 9: Tóm tắt

Xe thứ nhất: 40 bao gạo

Xe thứ hai: 10 bao gạo

Cả hai xe :.....bao gạo?

Bài 10: Tóm tắt

Hải có :15 viên bi

Cho Thơ: 5 viên bi

Còn lại :.....viên bi?

Bài 11: Tóm tắt

Thùng thứ nhất: 40 quả cam

Thùng thứ hai: 30 quả cam

Cả hai thùng :.....quả cam?

Bài 12: Tóm tắt

An có :19 cái bút

Cho : 2 cái bút

Còn lại :.....cái bút?

MD 4	Bài 1: Lớp 1A và lớp 1B trồng được tất cả 48 cây. Trong đó lớp 3A trồng được 20 cây. Hỏi lớp 1B trồng được bao nhiêu cây?
-----------------------	--

.....
.....
.....
.....
Bài 2: Cả mẹ và chị hái được 80 bông hoa. Riêng mẹ hái đc 5 chục bông hoa. Hỏi chị hái được bao nhiêu bông hoa?

.....
.....
.....
.....
Bài 3: Trên sân có 35 con gà và 2 chục con vịt. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu con gà và vịt?

.....
Bài 4: Mẹ có 5 chục quả trứng gà, mẹ bán đi 10 quả trứng gà . Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả?

.....
Bài 5: Một cửa hàng có 60 chiếc xe đạp, cửa hàng đã bán được 3 chục chiếc. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

.....
Bài 6: Vườn nhà bà có 26 cây vải và 12 cây nhãn. Hỏi vườn nhà bà có tất cả bao nhiêu cây vải và nhãn?

Bài 7. Mẹ mua về 3 chục cái bát, bà lại mua về 15 cái bát nữa. Hỏi cả bà và mẹ mua tất cả bao nhiêu cái bát?

Bài 8. Quyển sách dày 86 trang, Lan đã đọc 42 trang. Hỏi Lan còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết quyển sách?

Bài 9: Mẹ Hà có 5 chục quả trứng gà, mẹ bán đi 20 quả trứng gà . Hỏi mẹ Hà còn lại bao nhiêu quả trứng gà ?

Bài 10: Bác Lan có 4 chục cái bát, bác mua thêm 20 cái bát nữa . Hỏi bác Lan có tất cả bao nhiêu cái bát?

Bài 11: Nhà Vi có 4 chục quả trứng, Vi bán đi 20 quả trứng . Hỏi nhà Vi còn lại bao nhiêu quả trứng ?

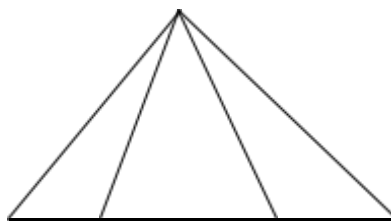
Bài 12: Bác Chi có 2 chục cái chổi, bác mua thêm 20 cái chổi nữa . Hỏi bác Chi có tất cả bao nhiêu cái chổi?

4. Hình học

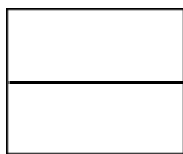
MD1

Bài 1: Hình bên có:

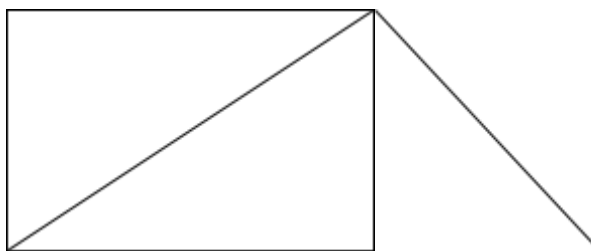
- a. 4 hình tam giác
- b. 5 hình tam giác
- c. 6 hình tam giác



Bài 2: Hình vẽ bên có số hình vuông là:



- A. 5 hình B. 8 hình C. 7 hình D. 9 hình

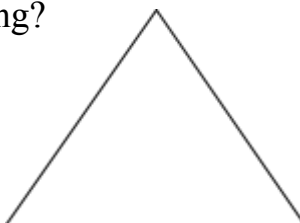


Bài 3: Hình vẽ bên có mấy hình vuông?

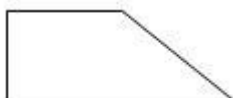
- A. 3 B. 4 C. 5

Bài 4: Hình vẽ bên có mấy đoạn thẳng?

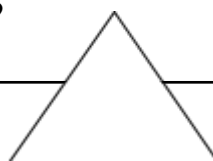
- A. 3 B. 4 C. 5



Bài 5: Vẽ thêm 1 đoạn thẳng để có:
Một hình vuông và một hình tam giác



Bài 6: Hình vẽ bên có mấy đoạn thẳng?

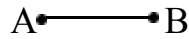


A. 3

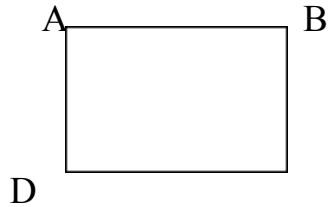
B. 4

C. 5

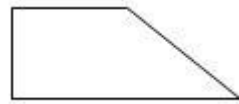
Bài 7. Đọc tên điểm, đoạn thẳng



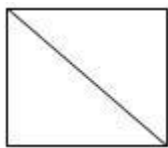
Bài 8. Hình bên có 5 đoạn thẳng là ...



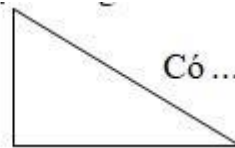
Bài 9: Vẽ thêm 1 đoạn thẳng để có:
Một hình vuông và một hình tam giác



Bài 10: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

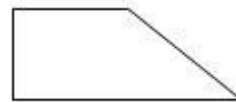


Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

Bài 11: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng
Hình bên có mấy đoạn thẳng



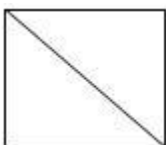
A. 2

B. 4

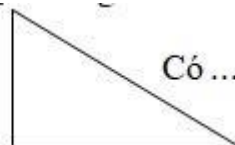
C. 5

D. 6

Bài 12 : Mỗi hình dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng ?



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

MD2

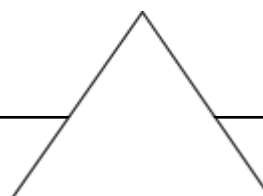
Bài 1: Hình bên có:

... hình tam giác.

.... hình chữ nhật.

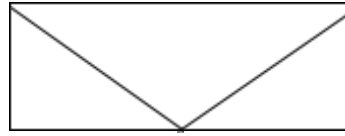
Bài 2: Vẽ đoạn thẳng BC có độ dài 12 cm.

Bài 3:

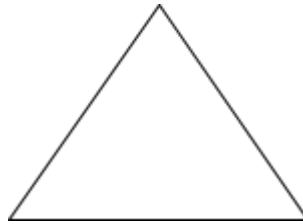


Bài 4: Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

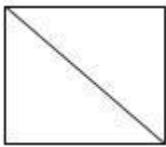
A. 4 hình B. 5 hình C. 6 hình



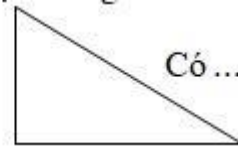
Bài 5: Có hình tam giác



Bài 6: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

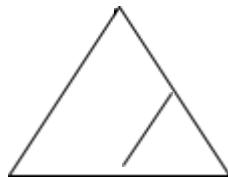


Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

Bài 7. Hình vẽ bên có đoạn thẳng



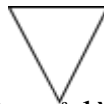
A. 7 đoạn thẳng

B. 10 đoạn thẳng

C. 9 đoạn thẳng

Bài 8.Đúng ghi Đ, sai ghi S

a/ 9 đoạn thẳng ☐



b/ 12 đoạn thẳng ☐

Bài 9: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

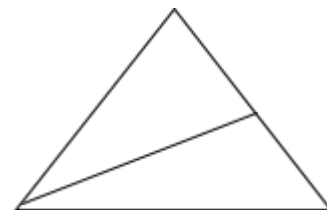
Hình bên có số đoạn thẳng là:

A. 5

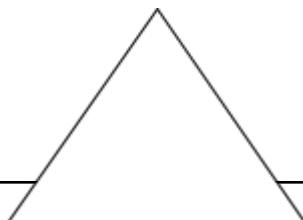
B. 7

C.8

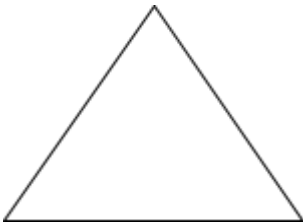
D.9



Bài 10: Vẽ 3 điểm ở trong và 2 điểm ở ngoài tam giác dưới đây ?



Bài 11: Vẽ 3 điểm ở trong và 2 điểm ở ngoài tam giác dưới đây ?



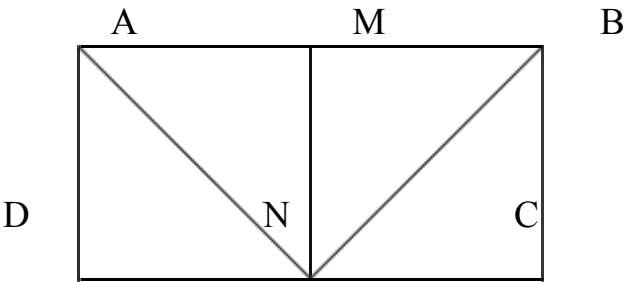
Bài 12: Có....

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

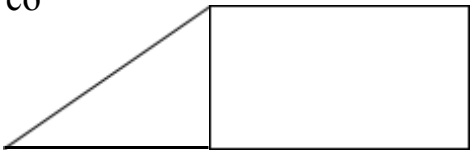
MD3

Bài 1: Hình vẽ bên có:

- A.10 đoạn thẳng
B. 11 đoạn thẳng
C.12 đoạn thẳng



Bài 2: Hình bên có

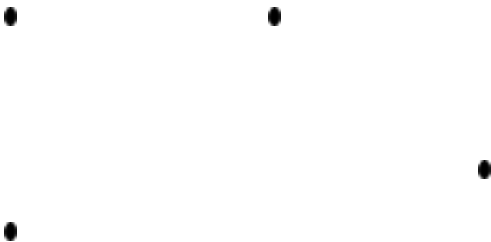


- A. 7 đoạn thẳng B. 9 đoạn thẳng C. 8 đoạn thẳng

Bài 3 : Em hãy vẽ các điểm trên thẳng AB dài 17 cm :

.....

Bài 4: Nối các điểm để có cả 1 hình vuông và 10 hình tam giác



Bài 5 : Em hãy vẽ 1 hình tròn và 1 hình tam giác MN dài 15 cm :

Bài 6: Em hãy khoanh tròn vào 1 trong các hình ở A, B, C hoặc D thích hợp để vẽ vào ô trống trong bảng sau:

					?
---	---	---	---	---	---



A



B



C

Bài 7. Hình vẽ bên:

Có.....hình vuông.

Cóđoạn thẳng

Bài 8: Vẽ thêm 1 đoạn thẳng để có thêm 2 hình tam giác

Bài 9: Khoanh vào đáp án đúng

Hình bên có mấy hình vuông,
mấy hình tam giác?

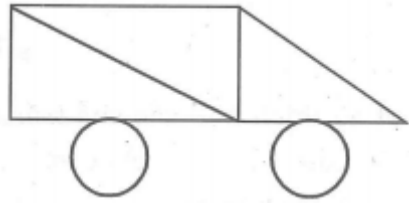
- A. 1 hình vuông và 3 hình tam giác
- B. 1 hình vuông và 2 hình tam giác
- C. 1 hình vuông và 3 hình tam giác

Bài 10: Hình bên có bao nhiêu hình tam giác

- A. 4 hình tam giác
- B. 5 hình tam giác
- C. 6 hình tam giác

Bài 11: ở hình vẽ bên dưới có:

-Hình tròn
-Hình tam giác



Bài 12: Vẽ đoạn thẳng PQ có độ dài là 10 cm

MĐ4

Bài 1: Trong hình vẽ bên, có mấy hình tam giác?

- A. 3 hình
- B. 4 hình
- C. 5 hình
- D. 6 hình

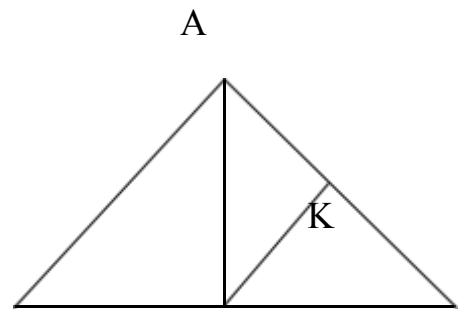


Bài 2: Hình vẽ bên có:

..... điểm, đó là:

..... đoạn thẳng, đó là:

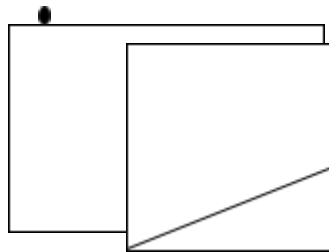
.....



Bài 3:

Cả hình chữ nhật.

Cả hình tam giác.



Bài 4 :

Cả ... hình vuông.

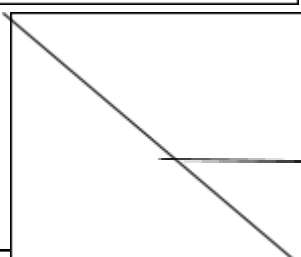
Cả hình tam giác.



C

H

B



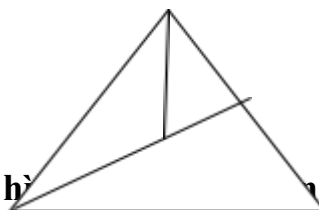
Bài 5 : Hình dưới đây có:

- hình vuông.

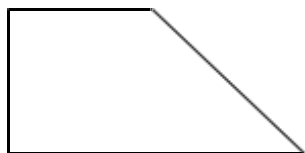
- hình tam giác.

Bài 6: Hình bên có số đoạn thẳng là:

- A. 5 B. 6 C. 7



Bài 7. Kẻ thêm 1 đoạn thẳng để có 1 hình tam giác

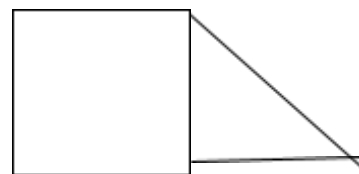


Bài 8.

Bài 9: Hình bên có

..... Hình tam giác

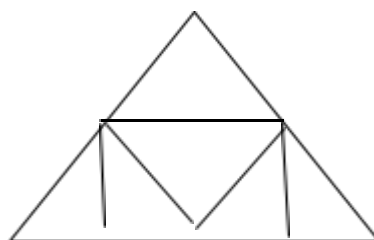
.....Hình vuông



Bài 10: Hình bên có

..... Hình tam giác

.....Hình vuông

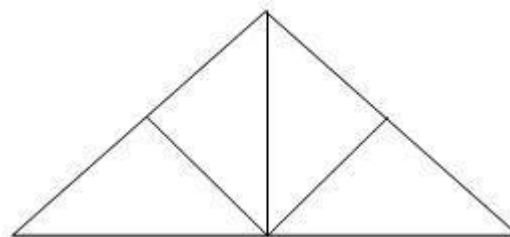


Bài 11:Viết số thích hợp vào chỗ chấm

Trong hình vẽ bên có:

a) hình vuông.

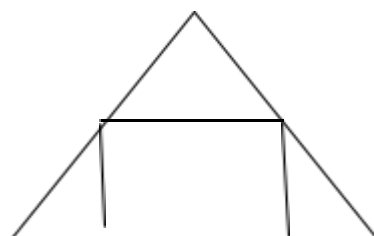
b) hình tam giác.



Bài 12: Hình bên có

..... Hình tam giác

.....Hình vuông



--	--